TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 02 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đằng.
Bà Hoàng Thị Sen.

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 20/3/2019 đối với bị cáo:

Tẩn Láo T (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 09 tháng 7 năm 2000, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tẩn Kin X - năm sinh 1978 và bà Lý San M - năm sinh 1976

Đều trú tại: Thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử lý vị phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa

- Người bào chữa cho bị cáo T là bà Cù Thúy M - Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Bị hại : Anh Phạm Văn Đ - năm sinh 1987, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau: Khoảng 13 giờ ngày 07/01/2019, Tẩn Láo T đi từ nhà đến thôn M, xã M, huyện B đón xe khách đi xuống xã B, huyện B để làm thuê. Đi đến nơi, T lên xe ô tô khách biển kiểm soát 24B – 008.53 do anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai điều khiển đang đỗ gần chợ, lúc này trên xe chỉ có Tẩn Láo T và anh Phạm Văn Đ. Tẩn Láo T đi xuống hàng ghế thứ năm thì nhìn thấy 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu để ở trên ghế, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc vì. Tẩn Láo T quan sát thấy anh Phạm Văn Đ đang ngồi ở hàng ghế thứ hai nghe điện thoại, T cầm chiếc ví cất vào túi áo khoác bên phải đang mặc rồi xuống xe ô tô đi vào nhà vệ sinh của quán điện tử gần đó kiểm tra chiếc ví thấy trong ví có 9.410.000 *(chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng)*, 01 (một) chứng minh thư nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe mô tô và 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank đều mang tên Phạm Văn Đ. Tẩn Láo T lấy tiền cất vào túi quần bên phải đang mặc, còn chiếc ví và số giấy tờ trên, Tẩn Láo T vứt vào bụi tre ven đường. Sau khi phát hiện bị mất chiếc ví, anh Phạm Văn Đ đã trình báo công an xã M. Quá trình điều tra, Tẩn Láo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 9.410.000 *(chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng)*. Cùng ngày, cơ quan điều tra đã thu hồi được 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu, bên trong chứa 01 (một) giấy phép lái xe mô tô, 01 (một) chứng minh thư nhân dân và 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank đều mang tên Phạm Văn Đ.

Cáo trạng số 17/CT - VKS ngày 05/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai để xét xử đối với bị cáo Tẩn Láo T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Tẩn Láo T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tẩn Láo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dung hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện B đã thu hồi số tiền 9.410.000 đ *(chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng)* tiền ngân hàng nhà nước Việt nam đang lưu hành; 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu, bên trong chứa 01 (một) giấy phép lái xe mô tô, 01 (một) chứng minh thư nhân dân và 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật. Nên không đề cập xử lý.

+ Về bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do vậy không giải quyết trong vụ án này.

- Ý kiến của người bào chữa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ, các tình tiết giảm nhẹ cho rằng: Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố và buộc tội

đối với bị cáo Tẩn Láo T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình, xử phạt bị cáo Tẩn Láo T mức thấp nhất của khung hình phạt là 06 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng.

- Bị hại anh Phạm Văn Đ vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị hại đề nghị: Về phần hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần bồi thường bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Tẩn Láo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo và phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, bị cáo Tẩn Láo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt số tiền 9.410.000 *(chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng)* đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội. Xong cũng cần phải xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, vì bị cáo T có nhân thân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo. Nên không cần cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo vẫn phát huy tốt tác dụng giáo dục và cải tạo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sư, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã kịp thời thu hồi trả lại cho bị hại; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng gồm: Số tiền 9.410.000 đ *(chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng)* tiền ngân hàng nhà nước Việt nam đang lưu hành; 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu, bên trong chứa 01 (một) giấy phép lái xe mô tô, 01 (một) chứng minh thư nhân dân và 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là phù hợp. Không đề cập xử lý.

[4] Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự. Nên không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, bị hại, người bào chữa không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tẩn Láo T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Tẩn Láo T 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tẩn Láo T cho Uỷ ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Tẩn Láo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đằng **Hoàng Thị Sen** **Ngô Đức Quang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Trung Dong **Phạm Thị Hòa**	**Ngô Đức Quang**